

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN TUẤN ANH

**PHÁP LUẬT VỀ THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP  
KINH DOANH THƯƠNG MẠI, QUA THỰC TIỄN TẠI TÒA ÁN  
NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**ĐÀ NẴNG, năm 2021**

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Ngọc Thanh Hà**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài. ....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	3
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Bố cục của luận văn.....	4
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI</b> .....	<b>4</b>
1.1. Khái quát về tranh chấp kinh doanh, thương mại. ....	4
1.1.1. Khái niệm về tranh chấp kinh doanh thương mại. ....	4
1.1.2. Đặc điểm của tranh chấp kinh doanh, thương mại.....	5
1.1.3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại .....	6
1.1.4. Yêu cầu của giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại .....	7
1.1.5. Những nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại .....	7
1.2. Khái niệm, bản chất và ý nghĩa của giai đoạn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại .....	9
1.2.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm.....	9
1.2.2. Bản chất của giai đoạn xét xử sơ thẩm.....	9
1.2.3. Ý nghĩa của giai đoạn xét xử sơ thẩm .....	10
Tiểu kết chương 1 .....	11
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ</b> .....	<b>11</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại.....	11
2.1.1. Pháp luật về thẩm quyền xét xử tranh chấp kinh doanh thương mại. ....	11
2.1.2. Pháp luật về chủ thể tham gia phiên tòa sơ thẩm .....	13
2.1.3. Pháp luật về thủ tục và trình tự xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án .....	15
2.2. Thực tiễn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà .....	18
2.2.1. Thực tiễn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà .....	18

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc khi áp dụng những quy định pháp luật hiện hành vào thực tiễn xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà. .....	18
Tiểu kết chương 2.....	20
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN.....</b>	<b>20</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện những quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án.....	20
3.2. Giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án .....	21
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án.....	21
3.2.2. Giải pháp cụ thể về ban hành mới và sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại. .....	21
Tiểu kết Chương 3 .....	26
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>27</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài

Trước sự phát triển nhanh chóng của thế giới ngày nay thì nhu cầu cuộc sống của con người ngày càng cao, mặt khác muốn nâng cao được chất lượng cuộc sống thì có thể nói các hoạt động kinh tế đóng vai trò then chốt và có sức ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống con người nói riêng cũng như sự phát triển của một đất nước nói chung. Và khi những hoạt động kinh tế này được diễn ra sẽ không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, bất đồng và tranh chấp phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Một nền kinh tế càng lớn mạnh thì số lượng tranh chấp ngày càng nhiều và mức độ tranh chấp cũng ngày một phức tạp. Vì vậy, muốn ổn định được nền kinh tế thì các mâu thuẫn, bất đồng, tranh chấp phát sinh này phải được giải quyết, cho nên vấn đề giải quyết các tranh chấp phát sinh là điều cần thiết để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cũng như đảm bảo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể kinh doanh.

Khi muốn điều chỉnh, quản lý các quan hệ xã hội cũng như các tranh chấp phát sinh thì nhà nước ta phải ban hành hệ thống các văn bản pháp luật để thực hiện các chức năng của mình. Tuy nhiên nhà nước không trực tiếp quản lý các vấn đề này mà sẽ thực hiện chức năng quản lý thông qua các cơ quan chức năng, các tổ chức được pháp luật thừa nhận để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp.

Trong số những cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý hiện nay, có thể nói, Tòa án là cơ quan giải quyết tranh chấp đóng vai trò quan trọng và phổ biến nhất ở Việt Nam. Nếu như trong hệ thống các văn bản pháp luật mỗi quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi một luật chuyên ngành riêng thì trong hệ thống Tòa án nhân dân việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc chức năng của Tòa kinh tế.

Khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bắt đầu hội nhập với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới thì vấn đề phát sinh tranh chấp trong các hoạt động kinh doanh là điều tất yếu. Nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường đã và đang thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển nhanh chóng từng bước cải thiện và không ngừng nâng cao đời sống của con người. Cho nên có thể nói sự phát triển của kinh tế là nền tảng căn bản đảm bảo cuộc sống của con người. Do đó, hiện nay các vấn đề liên quan đến tranh chấp kinh doanh, thương mại được rất nhiều người quan tâm đi theo đó là các phương thức giải quyết tranh chấp khi nó phát sinh. Vậy nên việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại cần được thực hiện một cách kịp thời, chuẩn xác nhằm góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự cũng như đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh. Đây là mối quan tâm của nhiều người trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển như hiện nay. Tuy nhiên việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án còn gặp nhiều bất cập, vướng mắc. Các quy định pháp luật chưa được hiểu một cách chính xác, chưa có sự thống nhất giữa luật nội dung và luật hình thức.

Những điều trình bày trên đây chính là lý do của việc chọn đề tài: **“Pháp luật về thực tiễn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại, qua**

**thực tiễn tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng”** làm luận văn tốt nghiệp.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.**

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, bài viết, tạp chí khoa học có đề cập đến vấn đề về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại và trình tự xét xử tại Tòa án. Trong đó phải kể đến các công trình nghiên cứu như:

- Luận văn thạc sĩ của Trần Thị Như Mơ (năm 2016) “Giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự từ thực tiễn tại tỉnh Quảng Nam” luận văn phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự thực tiễn tỉnh Quảng Nam, từ đó đưa ra những giải pháp kiến nghị hoàn thiện hơn nữa của Pháp luật Việt Nam.

- Luận văn thạc sĩ của Võ Ngọc Thông (năm 2017) “ Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh, thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng” luận văn phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn, nắm rõ các đặc điểm của hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, rút ra các ưu nhược điểm của hình thức tố tụng dân sự Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại.

- Luận văn thạc sĩ của Lê Thanh Khánh ( năm 2018) “Thẩm quyền của tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại” luận văn nghiên cứu về những vấn đề lý luận về trnh chấp kinh doanh thương mại, làm rõ các quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án .

- Và các bài viết: “Trình tự xét xử sơ thẩm vụ án dân sự” của Công ty luật Thái An; “Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án” của Công ty luật ANT; “Phân tích hệ thống tòa án tại Việt Nam” của Công ty luật Minh Khuê ...

Dựa trên cơ sở tiếp thu từ những nghiên cứu và bài viết trên, tôi muốn mô tả rõ hơn về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án cũng như việc áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp này. Và cùng với tình hình thực tiễn, các hiểu biết trong học tập đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án cấp huyện tại tp Đà Nẵng.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Phân tích, đánh giá những quy định pháp luật hiện hành về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại và tình hình thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà; để trên cơ sở đó đưa ra những phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc thực hiện các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại theo thủ tục sơ thẩm.
- Phân tích đánh giá các các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại theo thủ tục sơ thẩm được quy định trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Chỉ ra những tồn đọng trong thực tế áp dụng quy định hiện hành trong xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án.
- Đề xuất biện pháp góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn đi sâu phân tích các quy định pháp luật có liên quan đến vấn đề xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án và phân tích các nội dung về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa sơ thẩm được quy định trong pháp luật Việt Nam gồm: BLDS năm 2015, LDN năm 2020, BLTTDS năm 2015, LTM năm 2005 và các văn bản pháp luật liên quan.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Luận văn cũng nghiên cứu, phân tích, đánh giá về những vấn đề lý luận và quy định pháp luật hiện hành thực về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án nhân dân cấp huyện.
- Phạm vi nghiên cứu về không gian: nghiên cứu thực tiễn tại quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng.
- Phạm vi nghiên cứu về thời gian: từ năm 2015 đến 2019.

## **5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Cơ sở phương pháp luận**

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở nền tảng là phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin; các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và Pháp luật nói chung, về pháp luật kinh doanh thương mại nói riêng.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong phạm vi nghiên cứu nêu trên chủ yếu vận dụng nghiên cứu theo phương pháp truyền thống và phổ biến là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đó là:

- Phương pháp khai thác tài liệu sẵn có như Bộ luật dân sự 2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Luật thương mại 2005, Luật doanh nghiệp 2020 và các Văn bản pháp luật khác có liên quan đến nội dung cần nghiên cứu tại Chương 2 của luận văn.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Nhằm làm sáng tỏ cơ sở lý luận về tranh chấp kinh doanh thương mại và việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án.

- Phương pháp thu thập, bình luận: Đưa ra một số bản án trên thực tế tại Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để phân tích, bình luận,... nhằm đánh giá việc thực hiện pháp luật trong thực tế.

- Phương pháp phân tích đánh giá: Nhằm đưa ra những vướng mắc chưa rõ ràng mà pháp luật hiện hành không thể hiện được nhằm góp phần hoàn thiện hơn cho pháp luật nước ta hiện nay.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học**

Với việc nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề có liên quan đến pháp luật về thực tiễn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án nhân dân cấp huyện, tác giả luận văn mong muốn luận văn là công trình nghiên cứu có ít nhiều giá trị về mặt lý luận cũng như thực tiễn để làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động giảng dạy pháp lý cũng như tạo ra những gợi ý có giá trị cho các nhà lập pháp để hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận văn có những đóng góp sau đây:

- Luận giải và làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại và giai đoạn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại.

- Thực trạng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại qua thực tiễn tại quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng.

- Giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa.

- Giải pháp cụ thể về ban hành mới và sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại.

## **7. Bố cục của luận văn**

Nội dung chính của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại và thực tiễn áp dụng tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại

## **Chương 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

#### **1.1. Khái quát về tranh chấp kinh doanh, thương mại.**

##### **1.1.1. Khái niệm về tranh chấp kinh doanh thương mại.**

Hiện nay ở Việt Nam chưa có cách hiểu chuẩn xác và thống nhất về khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại. Việc xác định phạm vi của tranh chấp được coi là tranh chấp kinh doanh thương mại chủ yếu căn cứ vào các quy định của pháp luật. Tại khoản 1 điều 3 LTM năm 2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ



nghĩa Việt Nam đã giải thích: “*Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”. Như vậy theo sự giải thích của LTM thì có thể hiểu tranh chấp kinh doanh, thương mại là sự bất đồng, những mâu thuẫn, xung đột về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại. Có thể hiểu đơn giản bản chất của các tranh chấp kinh doanh, thương mại đều xuất phát từ việc sinh lợi của các hoạt động thương mại bởi ngày nay với nền kinh tế thị trường thì việc xảy ra tranh chấp trong các hoạt động thương mại là điều tất yếu.

Thành phần kinh tế tham gia trong nền kinh tế thị trường đa dạng hơn rất nhiều so với nền kinh tế kế hoạch nên chế độ sở hữu trong nền kinh tế lúc này cũng nhiều hơn so với trước, điều này đã thu hút rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Mục đích cuối cùng của các nhà kinh doanh luôn luôn là vì lợi nhuận kinh tế, mọi tranh chấp phát sinh đều từ lý do lợi nhuận kinh tế của các nhà kinh doanh bị xâm phạm. Nền kinh tế càng phát triển thì nguồn lợi nhuận mang lại từ các hoạt động kinh doanh ngày càng lớn dẫn đến những mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ các hoạt động kinh doanh xảy ra với tần suất ngày càng nhiều với mức độ phức tạp hơn và gay gắt hơn. Điều này được thể hiện rất rõ qua việc các tranh chấp kinh doanh ngày nay khi xảy ra thì đa phần các bên không thể tự hòa giải với nhau mà phải nhờ đến sự hòa giải của các cơ quan, tổ chức khác. Do đó, việc một cơ quan, tổ chức tham gia vào tranh chấp giúp các bên giải quyết các mâu thuẫn phát sinh là điều quan trọng và cần thiết nhằm đảm bảo sự bình đẳng cho các chủ thể kinh doanh và tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho nền kinh tế.

Tranh chấp kinh doanh, thương mại là những mâu thuẫn, xung đột về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh, các tranh chấp này phát sinh khi lợi nhuận kinh doanh của các chủ thể bị xâm phạm. Các tranh chấp kinh doanh, thương mại luôn gắn liền với hoạt động kinh doanh và chủ thể của các tranh chấp này chủ yếu là cá nhân, các đơn vị kinh doanh. Suy cho cùng thì bản chất của các tranh chấp kinh doanh, thương mại đều bắt đầu từ việc các bên có mâu thuẫn về lợi nhuận kinh doanh từ các hoạt động kinh doanh của các bên.

Tóm lại, có thể hiểu tranh chấp kinh doanh thương mại là những mâu thuẫn, xung đột, bất đồng lợi ích về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia vào quá trình của các hoạt động thương mại.

### **1.1.2. Đặc điểm của tranh chấp kinh doanh, thương mại**

Thứ nhất, tranh chấp thương mại là những mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong mối quan hệ cụ thể.

Thứ hai, những mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ giữa các bên phải phát sinh từ hoạt động thương mại.

Thứ ba, các tranh chấp thương mại chủ yếu là những tranh chấp phát sinh giữa các thương nhân (cá nhân kinh doanh, pháp nhân) với nhau.

### ***1.1.3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại***

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ nêu 2 phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại:

#### ***1.1.3.1. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng thương lượng***

Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng phương thức thương lượng là việc giải quyết các vấn đề tranh chấp tranh chấp mà không cần có sự can thiệp của bên thứ ba. Ở phương thức này các bên tranh chấp tự do đưa ra các cách thức giải quyết mâu thuẫn, bất đồng để đảm bảo được quyền lợi của mình mà không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Đây là một cách thức mang tính cá nhân cao, các bên áp dụng phương thức này khi giải quyết tranh chấp không bị ràng buộc bởi quy trình, thủ tục pháp lý nào.

Trong thực tế phương thức thương lượng thường được áp dụng khi các xung đột, tranh chấp vừa mới xảy ra, các bên cố gắng giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng để đảm bảo được mối quan hệ lâu dài trong kinh doanh. Pháp luật Việt Nam quy định khi có tranh chấp xảy ra các bên phải hòa giải trước khi áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp khác. Phương thức thương lượng chỉ áp dụng đối với các tranh chấp nhỏ, mức độ xung đột, mâu thuẫn không cao và lợi ích của các bên bị ảnh hưởng bởi tranh chấp ở mức độ nhỏ.

#### ***1.1.3.2. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng tòa án***

Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp do cơ quan tài phán của Nhà nước thực hiện, phương thức này gắn liền với quyền lực nhà nước. Phương thức này được các bên lựa chọn áp dụng khi mà các phương thức thương lượng, hòa giải đã được tiến hành nhưng không hiệu quả và các bên thống nhất không đưa tranh chấp ra trung tâm trọng tài. Thủ tục giải quyết tranh chấp bằng tòa án dựa trên hoạt động của bộ máy tư pháp và nhân danh quyền lực nhà nước để đưa ra các giải pháp giải quyết tranh chấp và phán quyết. Ở mỗi quốc gia thì hệ thống pháp luật quy định về phạm vi và thẩm quyền của tòa án trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại khác nhau. Tuy phạm vi và thẩm quyền giải quyết tranh chấp của tòa án ở mỗi quốc gia là khác nhau nhưng đều tập trung vào các tranh chấp như: tranh chấp hợp đồng thương mại; tranh chấp liên quan đến hoạt động của công ty; tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ; tranh chấp trong quá trình vận chuyển hàng hóa. Đối với phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng tòa án thì trình tự, thủ tục tố tụng được pháp luật quy định chặt chẽ và có hiệu lực pháp lý cao trong phán quyết của tòa án. Có sức mạnh bắt buộc thi hành các giải pháp giải quyết tranh chấp, giúp nâng cao ý thức tôn trọng và thực hiện pháp luật của các bên tham gia tranh chấp. Tuy nhiên đối với phương thức này thì khi tiến hành giải quyết tranh chấp các bên phải cung cấp thông tin mà tòa án yêu cầu, điều này có thể khiến cho bí mật kinh doanh của các bên không được đảm bảo. Bên cạnh đó, khi tòa án giải quyết các tranh chấp thì quy trình thủ tục phải tuân thủ theo thời gian quy định trong luật nên thường thời gian giải quyết tranh chấp kéo dài hơn so với các phương thức còn lại.

#### ***1.1.4. Yêu cầu của giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại***

Trong hệ thống kinh doanh thương mại vừa có xung đột, vừa có hợp tác. Vì thế, khi tranh chấp xảy ra, các bên luôn tìm cách nhanh chóng giải quyết và vẫn hồi lại tình trạng bình thường. Do đó, việc giải quyết tranh chấp KDTM cần đáp ứng một số yêu cầu như sau:

- Bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các chủ thể;
- Giữ gìn uy tín, bí mật thương mại của các bên trên thương trường;
- Không cản trở hoạt động kinh doanh, chu kỳ sản xuất;
- Nhanh chóng và khôi phục sự tín nhiệm của các bên trong kinh doanh.

#### ***1.1.5. Những nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại***

##### ***1.1.5.1. Nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự***

Trong pháp luật tố tụng, các đương sự có quyền tự định đoạt, biểu hiện qua việc đương sự có quyền tự định đoạt các quyền, phương tiện tố tụng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trước pháp luật. Tại Điều 5 BLTTDS 2015 đã quy định: “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thoả thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội”. Quyền tự định đoạt của đương sự còn được thể hiện qua một số quyền khác như: quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút các yêu cầu; quyền đưa ra chứng cứ và chứng minh; quyền kháng cáo.

Nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự là nguyên tắc cơ bản nhất trong tố tụng vụ án kinh doanh, thương mại. Nguyên tắc này xuất phát từ nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các chủ thể. Và với nguyên tắc này các đương sự trong quá trình tố tụng, pháp luật có điều kiện thuận lợi trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp cho các bên, tạo ra sự chủ động của đương sự trong quá trình giải quyết tranh chấp.

##### ***1.1.5.2. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật***

Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật là một trong những nguyên tắc pháp lý cơ bản của luật pháp nước ta được quy định trong Hiến pháp 2013. Khi các chủ thể tham gia vào các hoạt động kinh doanh đều được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong kinh doanh bình đẳng có nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, họ có quyền bình đẳng lựa chọn ngành nghề kinh doanh, lựa chọn hình thức kinh doanh, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật. Quyền bình đẳng còn được thể hiện khi các chủ thể tham gia vào quan hệ tố tụng. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng (Điều 8, BLTTDS 2015).

Vậy nên nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật có ý nghĩa quan trọng đối với các chủ thể kinh doanh vì nó không những thể hiện sự bình đẳng giữa các

chủ thể kinh doanh mà còn góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế. Khi có một tranh chấp phát sinh Tòa án sẽ không phân biệt các bên thuộc loại hình doanh nghiệp nào mà các bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau khi tham gia vào quá trình tố tụng. Với nguyên tắc này, các tổ chức, cá nhân sẽ yên tâm và mạnh dạn hơn trong việc đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp góp phần không nhỏ tạo sự tăng trưởng kinh tế - xã hội.

#### *1.1.5.3. Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và tự chứng minh của đương sự*

Chứng minh và chứng cứ là yếu tố cơ bản của pháp luật tố tụng. Về bản chất, chứng cứ là những thông tin, tài liệu có thật được thu thập, kiểm tra và đánh giá theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc giải quyết các vụ án tranh chấp. Trong Tố tụng hình sự, khi có tội phạm xảy ra thì các cơ quan điều tra có nhiệm vụ thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, trong Tố tụng dân sự nói chung và trong Tố tụng án kinh doanh, thương mại nói riêng thì các đương sự phải tự mình thu thập và cung cấp chứng cứ, tài liệu cho Tòa án.

Quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự cho Tòa án được quy định tại Điều 6 BLTTDS năm 2015. Khi các đương sự không cung cấp được chứng cứ hoặc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ thì các đương sự tự chịu hậu quả. Khi giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại, Tòa án chủ yếu dựa vào những chứng cứ mà các bên đương sự đưa ra, trong quá trình tố tụng Tòa án sẽ nghe các bên trình bày và xác minh chứng cứ. Tòa án có quyền yêu cầu các đương sự cung cấp thêm chứng cứ khi chưa đầy đủ hoặc yêu cầu chứng minh thêm tính chính xác của các chứng cứ được đưa ra. Tòa án chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ khi có yêu cầu của các bên nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được chính xác. Như vậy, để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi xảy ra tranh chấp, các đương sự cần tự mình thu thập chứng cứ và chứng minh tính chính xác của các chứng cứ đó.

Nguyên tắc này giúp giải quyết nhanh chóng các vụ tranh chấp, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đương sự trong hoạt động tố tụng dân sự, cụ thể là trong tố tụng án kinh doanh, thương mại. Đây là một nguyên tắc đặc thù của tố tụng kinh doanh, thương mại, tạo điều kiện cho các đương sự tham gia trong việc bảo vệ lợi ích của chính mình trước các xâm hại.

#### *1.1.5.4. Nguyên tắc hòa giải*

Hòa giải là các đương sự tự thỏa thuận trong việc giải quyết vụ án. Nhà nước luôn khuyến khích các bên có thể tự thỏa thuận vì khi các bên có thể tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp được với nhau thì vấn đề sẽ được giải quyết một cách nhanh chóng và tiết kiệm được chi phí lẫn thời gian. Hòa giải là quyền tố tụng của đương sự và chỉ có đương sự mới có quyền hòa giải. Do đặc điểm của tranh chấp kinh doanh, thương mại là phản ánh về vấn đề lợi ích kinh tế của chủ thể kinh doanh nên hòa giải là biện pháp được ưu tiên áp dụng trước khi các bên tranh chấp phải nhờ tới cơ quan có thẩm quyền tài phán.

Theo nguyên tắc này, khi có tranh chấp kinh doanh, thương mại xảy ra, các bên sẽ tự tiến hành hòa giải với nhau trước. Khi không tự hòa giải được, các bên mới yêu cầu cơ quan Tòa án can thiệp. Nhưng khi đã yêu cầu cơ quan tòa án can

thiệp, các đương sự vẫn có thể tiến hành hòa giải dưới sự hướng dẫn, công nhận của Tòa án. Chỉ khi hòa giải không thành, Tòa án mới đưa vụ việc ra xét xử. Hơn nữa, tại phiên tòa, thẩm phán cũng tạo điều kiện để cho các bên tranh chấp hòa giải được với nhau.

## **1.2. Khái niệm, bản chất và ý nghĩa của giai đoạn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại**

### ***1.2.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm***

Xét xử sơ thẩm được thực hiện bởi Tòa án, cơ quan tư pháp đại diện cho quyền lực nhà nước, Tòa án ở mỗi quốc gia khác nhau thì có hệ thống và hoạt động dựa trên những nguyên tắc khác nhau. Xét xử sơ thẩm là lần xét xử đầu tiên của một vụ án được thực hiện bởi Tòa án. Xét xử sơ thẩm là một trong những quy trình tố tụng của Tòa án bắt đầu bằng việc Tòa án bắt đầu thụ lý vụ án và kết thúc bằng một bản án hay quyết định của Tòa án. Một vụ án cơ bản có thể được xét xử qua hai cấp xét xử cơ bản là sơ thẩm và phúc thẩm, các bản án sơ thẩm đã ban hành có thể bị kháng cáo bởi các đương sự trong vòng 15 ngày và bản án sơ thẩm đó được chuyển qua cấp xét xử phúc thẩm. Bản án phúc thẩm khi được ban hành thì có hiệu lực ngay tức thì và không thể kháng cáo. Tuy nhiên bản án cấp sơ thẩm hay phúc thẩm dù đã có hiệu lực nhưng phát hiện ra có vi phạm pháp luật hay tìm ra tình tiết mới thì có được xem xét lại theo thủ tục tái thẩm hoặc giám đốc thẩm. Các cấp xét xử này diễn ra và tồn tại độc lập, ở mỗi cấp xét xử được pháp luật quy định bằng các thủ tục tố tụng khác nhau.

### ***1.2.2. Bản chất của giai đoạn xét xử sơ thẩm***

- Xét xử sơ thẩm là một giai đoạn tố tụng độc lập trong quy trình xét xử hai cấp, các quyết định hay bản án được ban hành bởi Tòa án ở giai đoạn xét xử sơ thẩm chỉ bị kháng cáo, kháng nghị khi có tình tiết mới xuất hiện hoặc có vi phạm pháp luật trong việc ban hành các bản án sơ thẩm. Điều này có nghĩa không phải bất cứ vụ án nào cũng trải qua hai cấp xét xử, việc có cần áp dụng đến cấp xét xử thứ hai hay không tùy thuộc vào chất lượng của bản án, quyết định sơ thẩm.

- Cơ sở làm phát sinh giai đoạn xét xử sơ thẩm là đơn khởi kiện của nguyên đơn, khi Tòa án xem xét đơn khởi kiện của nguyên đơn có đủ các căn cứ pháp luật thì tiến hành bổ sung các chứng cứ, tài liệu cần thiết để hoàn thiện hồ sơ tiến hành giải quyết vụ án. Ở giai đoạn này quyết định thụ lý vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm không có sự can thiệp của các cơ quan khác, ở cấp phúc thẩm thì kháng cáo, kháng nghị của viện kiểm sát là căn cứ phát sinh còn ở cấp giám đốc thẩm hay tái thẩm thì kháng nghị của người có thẩm quyền tố tụng là căn cứ phát sinh. Xét xử sơ thẩm dựa trên những tình tiết trong vụ án, những chứng cứ tài liệu thu thập được để xét xử và ra bản án, còn xét xử phúc thẩm thì dựa trên hồ sơ của của cấp xét xử sơ thẩm.

- Trong quy trình xét xử sơ thẩm thì Tòa án phải xem xét toàn bộ những yêu cầu của các đương sự cũng như quyền và nghĩa vụ của đương sự và các bên liên quan đến vấn đề tranh chấp đang cần giải quyết. Lúc này Tòa án phải xác định được sự kiện pháp lý đang xảy ra tranh chấp có thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án hay không, khi xác định được và đúng quan hệ pháp lý đang bị xâm phạm, cũng như thẩm quyền giải quyết thì mới tìm được hướng giải quyết đúng và hiệu quả. Với nền kinh tế thị trường đang hội nhập như ngày nay thì các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể là khá rộng nên việc xác định thẩm quyền của Tòa án cũng khá rắc rối và cần cẩn thận, tránh xác định sai quan hệ pháp luật. Khi đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết ở cấp sơ thẩm thì khi vụ án được đưa ra cấp phúc thẩm không cần xác định lại vấn đề này. Bên cạnh đó phạm vi xem xét, giải quyết của cấp phúc thẩm hẹp hơn rất nhiều so với cấp sơ thẩm khi ở cấp sơ thẩm thì phải xem xét toàn bộ vụ án, còn cấp phúc thẩm chỉ xem xét những yêu cầu kháng cáo, kháng nghị chứ không xét lại toàn bộ vụ án.

### **1.2.3. Ý nghĩa của giai đoạn xét xử sơ thẩm**

Xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại có ý nghĩa về nhiều mặt:

\* **Xét về tính chính trị - pháp lý:** pháp luật thừa nhận quyền tự do kinh doanh của các chủ thể, trong đó bao gồm cả việc lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại nghĩa là chủ thể đã đặt trọn niềm tin vào cơ quan tài phán mang tính chất quyền lực nhà nước. Tòa án nhân dân nước CHXHCN Việt Nam, đại diện cho công lý thực hiện chức năng xét xử vụ tranh chấp kinh doanh thương mại. Khi thực hiện chức năng xét xử, Tòa án thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước của dân, do dân và vì dân nên việc giải quyết đảm bảo khách quan, công bằng đúng pháp luật, nhanh chóng và kịp thời. Có như vậy sẽ tạo niềm tin cho các chủ thể vào hệ thống cơ quan nhà nước (cụ thể là Tòa án) và bản chất tốt đẹp của nhà nước ta. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực các tranh chấp kinh tế ngày càng đa dạng phức tạp không chỉ giới hạn trong phạm vi các chủ thể trong nước mà còn bao gồm cả các chủ thể nước ngoài nên việc xét xử sơ thẩm vụ án kinh tế có hiệu quả mang lại sự nhìn nhận mới, thiện chí và tin tưởng vào hệ thống cơ quan tòa án ở nước ta. Trên cơ sở đó từng bước hoàn thiện cơ quan Tòa án để giải quyết các tranh chấp kinh tế ngang tầm với Tòa án các nước phát triển trong khu vực và quốc tế.

Về phương diện pháp lý, khi xét xử sơ thẩm các vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại để đưa ra các phán quyết khách quan, công bằng, hợp lý được các bên chấp nhận sẽ chấm dứt tình trạng tranh chấp kéo dài, giảm được sự ảnh hưởng tiêu cực đến quyền, lợi ích của các đương sự nói riêng và hoạt động của nền kinh tế nói chung. Ngoài ra, xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại có hiệu quả đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể trong kinh doanh, góp phần tạo lập sự công bằng xã hội.

\* **Xét về kinh tế - xã hội:** Trong tố tụng trọng tài thì quyết định trọng tài là chung thẩm và các bên không có quyền kháng cáo, còn đối với tố tụng tại Tòa án thì vì pháp luật quy định nhiều cấp xét xử (xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm) nên các đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật trong thời hạn luật định. Xét xử sơ thẩm vụ án kinh tế có ý nghĩa về phương

diện kinh tế - xã hội thể hiện qua các mặt như: Nhanh chóng hoàn thiện môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể kinh doanh, củng cố quyền tự do kinh doanh; khi các bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành sẽ chấm dứt quá trình kiện tụng, các chủ thể tập trung vào quá trình sản xuất kinh doanh mà không bị chi phối bởi những giai đoạn giải quyết tiếp theo như phúc thẩm, giám đốc thẩm. Việc giải quyết dứt điểm vụ án ngay tại Tòa án cấp sơ thẩm hoặc hoà giải thành sẽ góp phần duy trì quan hệ làm ăn giữa các chủ thể, giúp các chủ thể đầu tư sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút nhiều lao động và tạo ra nhiều hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao.

### **Tiểu kết chương 1**

Nước ta ngày một hội nhập với các nước trên thế giới, cùng với đó sự phát triển kinh tế cũng phát triển đa dạng hơn. Các tranh chấp về kinh doanh, thương mại ngày càng phức tạp và không tránh khỏi những vấn đề tất yếu, cần thiết đối với các chủ thể trong quan hệ tranh chấp này. Hiện nay, có rất nhiều phương thức để chủ thể trong tranh chấp kinh doanh thương mại lựa chọn, tuy nhiên mỗi phương thức đều có ưu và nhược điểm riêng nên các bên thương rất cân nhắc để áp dụng một cách hiệu quả tháo gỡ những mâu thuẫn đó. Đồng thời, khi ta đi sâu trên phương diện lý thuyết về giải quyết tranh chấp bằng Tòa án thì thấy được tầm quan trọng của Tòa án trong hoạt động kinh doanh thương mại. Đây cũng là phương thức giải quyết giúp các chủ thể trong tranh chấp tin tưởng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia trong hoạt động kinh tế. Tại phiên tòa sơ thẩm tập trung các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thực hiện việc xét xử thông qua việc nghe các bên trình bày, tranh luận tại phiên tòa, kiểm tra xác minh các tài liệu, chứng cứ của vụ án một cách toàn diện, khách quan, áp dụng đúng pháp luật để giải quyết vụ án nhằm đưa ra phán quyết.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại**

##### **2.1.1. Pháp luật về thẩm quyền xét xử tranh chấp kinh doanh thương mại.**

###### **2.1.1.1. Thẩm quyền theo vụ việc**

Theo quy định tại Điều 30 BLTTDS năm 2015 thì những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án đã được sửa đổi bổ sung nhằm làm rõ các tranh chấp về kinh doanh thương mại và tạo sự phù hợp thống nhất với các quy định trong LTM, LDN..., phân biệt giữa tranh chấp thương mại với tranh chấp dân sự. Cụ thể: Các tranh chấp về kinh doanh thương

mại là những tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại do luật thương mại điều chỉnh, tuy nhiên luật không liệt kê những tranh chấp cụ thể như BLTTDS năm 2011. Tuy được pháp luật quy định khá cụ thể nhưng thực tiễn áp dụng các quy định về thẩm quyền theo vụ việc còn nhiều vướng mắc:

*Thứ nhất*, theo quy định tại Điều 30 BLTTDS năm 2015 đã quy định rất rõ việc xác định những tranh chấp nào là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Theo đó, khi có một trong các loại tranh chấp quy định tại các khoản từ 1 đến 4 của Điều 30 như phân tích bên trên thì tranh chấp đó thuộc thẩm quyền của tòa án. Trong đó, quy định tại khoản 5 Điều 30 là quy định mở “Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật”. Chỉ khi có một văn bản quy phạm pháp luật xác định quan hệ đó là tranh chấp kinh doanh thương mại thì Tòa án vận dụng khoản 5 Điều 30 để thụ lý, giải quyết.

*Thứ hai*, tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, tổ chức hoạt động, tổ chức quản lý của nhiều loại hình doanh nghiệp mà sự hoạt động dựa vào sự góp vốn của các thành viên như hợp tác xã hoặc các loại hình doanh nghiệp đặc thù trên thực tế (như trường tư thục, trường dạy nghề, trường dân lập, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán...) theo Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành không được coi là tranh chấp công ty mặc dù chúng có cùng bản chất với tranh chấp công ty.

*Thứ ba*, việc xác định mục đích lợi nhuận. Tiêu chí lợi nhuận chưa thực sự rõ ràng về mặt lý luận và thực tiễn. Nếu phân biệt quan hệ về kinh doanh và dân sự dựa trên yếu tố lợi nhuận mà không đưa ra tiêu chí cụ thể, khác biệt thì có sự bất ổn về cách phân loại các tranh chấp. Chẳng hạn các trang thiết bị có thể vừa dùng cho mục đích kinh doanh, vừa dùng cho sinh hoạt. Điều này sẽ dẫn đến việc cùng một quan hệ nhưng bao hàm cả 2 mục tiêu là tiêu dùng và phục vụ sản xuất - kinh doanh.

#### *2.1.1.2. Thẩm quyền theo cấp xét xử*

Thẩm quyền theo cấp xét xử của tòa án là phạm vi giới hạn do pháp luật quy định để tòa án các cấp thực hiện chức năng giải quyết các tranh chấp kinh doanh -thương mại. Thông thường thẩm quyền của tòa án các cấp được phân chia căn cứ vào giá trị tranh chấp của vụ án, tính chất của sự việc tranh chấp và khả năng, điều kiện giải quyết tranh chấp của từng cấp tòa án. Về thẩm quyền của tòa án phân chia theo cấp, giải quyết tranh chấp thương mại cơ bản giữ nguyên như quy định trong BLTTDS 2011. Đồng thời có sửa đổi bổ sung một số nội dung như sau: Thẩm quyền Tòa án cấp huyện chủ yếu giải quyết các tranh chấp thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 theo thủ tục sơ thẩm, thẩm quyền của các tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp huyện thì theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thể có một số Tòa chuyên trách (Điều 45 Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014) cho nên BLTTDS năm 2015 đã quy định thẩm quyền đối với tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân cấp huyện đối với việc giải quyết vụ việc tranh chấp thương mại là Tòa dân sự Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ



thẩm những vụ việc về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại Điều 30 của BLTTDS năm 2015.

Tuy nhiên trong thực tiễn xét xử cho thấy Tòa án nhân dân cấp huyện vẫn tiến hành thụ lý và giải quyết sơ thẩm những tranh chấp kinh doanh – thương mại mà một hoặc các bên không có đăng ký kinh doanh nhưng đều có mục đích lợi nhuận. Thẩm quyền của cấp tòa án đối với tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng như hợp đồng gia công, hợp đồng hợp tác kinh doanh. Việc giải quyết tranh chấp kinh doanh – thương mại đòi hỏi sự nhanh chóng và kịp thời trong khi việc phân chia cấp xét xử tranh chấp qua nhiều cấp Tòa án còn quá phức tạp và kéo dài.

### *2.1.1.3. Thẩm quyền theo lãnh thổ*

Thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ là phạm vi giới hạn do pháp luật quy định nhằm xác định chức năng giải quyết các vụ việc kinh doanh – thương mại của Tòa án theo đơn vị hành chính lãnh thổ. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ có nghĩa là khi giải quyết các vụ việc kinh doanh – thương mại thì Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự khi khởi kiện. Theo đó thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ được xác định theo nơi bị đơn cư trú, làm việc hoặc có trụ sở; theo sự lựa chọn của các đương sự; đối với tranh chấp bất động sản thì sẽ là Tòa án nơi có bất động sản.

Trên thực tế khi các chủ thể quyết định chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp kinh doanh - thương mại thường xuyên gặp phải các vấn đề như lựa chọn Tòa án không đúng thẩm quyền từ đó dẫn đến việc lựa chọn Tòa án giải quyết không phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên có quyền tự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú hay có trụ sở giải quyết nhưng phải là Tòa án có thẩm quyền, thỏa thuận chọn Tòa án vượt cấp là vô hiệu.

### *2.1.2. Pháp luật về chủ thể tham gia phiên tòa sơ thẩm*

Đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại có các yếu tố như: đa số các chủ thể tranh chấp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên địa vị pháp lý của các chủ thể trong quá trình tố tụng sơ thẩm, ngoài những yêu cầu chung còn phải đảm bảo các yêu cầu riêng của việc xét xử các tranh chấp kinh doanh thương mại.

#### *2.1.2.1. Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng*

Cơ quan tiến hành tố tụng là cơ quan nhà nước, thực hiện quyền lực của Nhà nước tiến hành giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại. Cơ quan tiến hành tố tụng bao gồm Tòa án và Viện kiểm sát, trong đó vai trò của Tòa án là chủ yếu. Trên cơ sở quan điểm tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại bao gồm: Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, Viện trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên. Địa vị pháp lý của những người tiến hành tố tụng hoàn toàn khác với Trọng tài viên của Trọng tài kinh tế Nhà nước trước đây.

Tuy được pháp luật tố tụng dân sự quy định khá cụ thể, nhưng mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ Tố tụng giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong giai đoạn này vẫn còn một số vấn đề đặt ra về lý luận và thực tiễn.

Một là, thời điểm chấp nhận khiếu nại việc thu thập chứng cứ của Tòa án: trước hoặc sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc ngay ở phiên tòa sơ thẩm; tại phiên tòa nếu họ tự nguyện rút đơn khiếu nại việc thu thập chứng cứ của Tòa án thì còn cần thiết có sự tham gia của Viện Kiểm sát không?

Hai là, chất lượng kháng nghị phúc thẩm của Viện Kiểm sát trong nhiều trường hợp còn thiếu căn cứ, ngay cả các bên tranh chấp cũng không đồng ý làm vụ án kéo dài qua nhiều cấp xét xử, Tòa án vẫn công nhận cấp sơ thẩm giải quyết đúng. Do đó, nên xây dựng căn cứ kháng nghị theo hướng Viện kiểm sát chỉ kháng nghị đối với những bản án hay quyết định sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đối với các bản án hay quyết định sơ thẩm có mắc sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nhưng không vi phạm thủ tục tố tụng thì nên tôn trọng nguyên tắc quyền tự định đoạt của các đương sự và Viện kiểm sát không nên kháng nghị.

Về phương diện lý luận cũng như pháp luật thực định đều xác định quá trình giải quyết một vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại chỉ được coi là kết thúc một khi bản án, quyết định của Tòa án được thực thi trên thực tế. Thi hành án dân sự là một giai đoạn tố tụng dân sự nhưng Cơ quan thi hành án không phải là cơ quan tiến hành tố tụng. Chấp hành viên không phải là những người tiến hành tố tụng nên pháp luật tố tụng dân sự hoàn toàn không quy định địa vị pháp lý của các chủ thể này.

#### *2.1.2.2. Đương sự trong vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại*

Đương sự trong vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ( khoản 1 điều 68 BLTTDS năm 2015). Vai trò của các đương sự trong tố tụng hết sức quan trọng trong việc thực hiện các quyền năng tố tụng của mình trong từng giai đoạn cụ thể. Nếu như trong tố tụng hình sự vị trí của Tòa án( của Hội đồng xét xử) là trung tâm và quyết định đối với các chủ thể khác tham gia tố tụng, thì trong tố tụng kinh tế vai trò của đương sự có thể nói là mang tính chất quyết định xuất phát từ quyền tự định đoạt, quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của họ. Do đó, mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ tố tụng giữa Tòa án và đương sự trong giai đoạn sơ thẩm đảm bảo bình đẳng, công khai và minh bạch. Các đương sự có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình, Tòa án làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án nên hoàn toàn khác với sơ thẩm vụ án hình sự, là quan hệ Tố tụng giữa đại diện quyền lực nhà nước (Tòa án) và một bên là người phạm tội ( bị cáo), trong đó nghĩa vụ chứng minh thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Quan hệ Tố tụng giữa đương sự và các cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án kinh tế không bị phụ thuộc như trong quan hệ quản lý giữa cơ quan giải quyết tranh chấp và các bên tranh chấp so với chế độ trọng tài kinh tế Nhà nước trước đây. Nhận thức vấn đề này là cơ sở cho Tòa án, Viện kiểm sát đánh giá đúng vị trí của mình khi giải quyết vụ án và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các đương sự phát huy được hết các quyền năng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại.

#### *2.1.2.3. Những người tham gia tố tụng khác*

Những người tham gia tố tụng khác bao gồm: người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người đại diện,... Trong quá trình cải cách tư pháp hiện nay cần không ngừng hoàn thiện về chất lượng và số lượng của đội ngũ luật sư, các cơ quan giám định và hình thành các tổ chức dịch vụ mới như thừa phát lại. Vị trí, vai trò của Thừa phát lại để thực hiện các lệnh của Tòa án, có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế cùng với sự phối hợp của cảnh sát tư pháp trong một số hoạt động tố tụng ( giao nộp chứng cứ, đưa bị đơn, nhân chứng tới phiên tòa,...). Có như vậy mới đảm bảo hỗ trợ cho hoạt động xét xử của Tòa án nhanh chóng và kịp thời.

### ***2.1.3. Pháp luật về thủ tục và trình tự xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án***

Xét xử sơ thẩm là là việc Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết lần đầu một vụ án, bao gồm các hoạt động khởi kiện, thụ lý, chuẩn bị xét xử, hòa giải và mở phiên tòa sơ thẩm.

#### ***2.1.3.1. Quy định pháp luật trong giai đoạn khởi kiện vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại***

Khi muốn khởi kiện vụ án thì việc đầu tiên người khởi kiện phải làm là chuẩn bị đơn khởi kiện theo mẫu có sẵn tại Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ liên quan. Trong đơn khởi kiện phải nêu rõ các vấn đề như bên khởi kiện, bên bị khởi kiện, quyền và lợi ích bị xâm phạm, phương án giải quyết nếu có. Tại Điều 186 của BLTTDS 2015 quy định: “Khởi kiện vụ án (sau đây gọi chung là người khởi kiện) tại Tòa án có thẩm quyền để cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khyêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”. Việc áp dụng quy định pháp luật này trong thực tiễn còn những vướng mắc do có nhiều cách hiểu khác nhau: Tự mình khởi kiện có nghĩa là cá nhân tự mình ký tên hoặc điền chỉ vào đơn khởi kiện để xác định ý chí của mình về việc yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án còn đối với tổ chức tự mình khởi kiện có nghĩa là thông qua người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó, người đại diện theo pháp luật cũng có thể uỷ quyền cho thành viên của tổ chức khởi kiện (ký tên người đại diện hợp pháp và đóng dấu). Tiến hành khởi kiện thông qua người đại diện hợp pháp nghĩa là cá nhân uỷ quyền cho người khác khởi kiện (người được uỷ quyền) được ký đơn khởi kiện trong phạm vi văn bản uỷ quyền còn đối với tổ chức, người đại diện theo pháp luật uỷ quyền cho cá nhân (như Luật sư) hoặc cho tổ chức khác (Công ty luật) tiến hành khởi kiện theo văn bản uỷ quyền. Tuy nhiên, trong thực tiễn quy định này còn chưa được hiểu hết, còn bị bó hẹp và nhầm lẫn giữa người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện với khởi kiện thông qua người đại diện hợp pháp. Về hình thức khởi kiện, pháp luật tố tụng chỉ mới quy định hình thức duy nhất là thông qua đơn khởi kiện, trong đó phải thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu của người khởi kiện. Trong thực tiễn, còn có những trường hợp người khởi kiện đến trình bày trực tiếp tại Tòa án về yêu cầu của mình mà không được chấp nhận. Đây là hạn chế của pháp luật tố tụng nước ta so với pháp luật của đa số các nước trên thế giới. Tại khoản 3 điều 191 BLTTDS 2015 đã quy định cụ thể thủ tục

nhận đơn, thời hạn xử lý đơn là trong thời hạn 05 ngày. Theo quy định thời hạn nói trên thì đây là một khoản thời gian lý tưởng góp phần giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời. Tuy nhiên trong thực tế thời hạn trên là quá ngắn vì có nhiều trường hợp Tòa án chỉ xem xét điều kiện thụ lý đã mất cả tuần, có những trường hợp từ khi cán bộ nghiên cứu đơn khởi kiện đến khi thụ lý cũng mất vài tháng. Thực trạng này diễn ra do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Do tình trạng quá tải án của một số Tòa án, nếu tiến hành thụ lý mà không giải quyết kịp sẽ vi phạm đến thời hạn tố tụng; thủ tục hành chính về thụ lý của các Tòa án còn chưa chặt chẽ nên không thể kiểm tra được những cán bộ có nhiệm vụ xem xét đơn có thực hiện đúng thời hạn pháp luật quy định hay không, có những trường hợp người khởi kiện trực tiếp khiếu nại với Chánh án hoặc Tòa án cấp trên về việc ngâm đơn nhưng vẫn không được giải quyết.

#### *2.1.3.2. Quy định pháp luật về giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp kinh doanh – thương mại*

Sau khi thụ lý vụ án là đến giai đoạn chuẩn bị cho phiên tòa xét xử sơ thẩm, trong giai đoạn này Tòa án sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để vụ án được đảm bảo diễn ra đúng pháp luật như lấy lời khai của đương sự, yêu cầu đương sự giao nộp, cung cấp các chứng cứ liên quan để làm bằng chứng trước Tòa. Tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc gặp phải trong giai đoạn này như:

- Đương sự không chịu hợp tác trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thường là gặp phải bên phía bị đơn, họ lẩn tránh ngay cả khi có giấy triệu tập của Tòa án họ vẫn không đến Tòa để lấy lời khai khiến cho thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài. Có những trường hợp bị đơn thường tránh mặt khi Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các thông báo liên quan đến vụ án.

#### *2.1.3.3. Quy định pháp luật trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại*

Xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là giai đoạn tố tụng quan trọng nhất bởi vì tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Tòa án tiến hành giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án và các bên công khai bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án. Các thủ tục trong phiên tòa sơ thẩm được tiến hành như sau:

- Khai mạc phiên tòa
- Hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự
- Tranh tụng tại phiên tòa
- Hỏi tại phiên tòa
- Tranh luận tại phiên tòa
- Phát biểu của Kiểm sát viên
- Trả lời việc hỏi và tranh luận
- Tạm ngừng phiên tòa
- Nghị án
- Tuyên án

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Tòa án không chỉ dựa vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà hội đồng xét xử còn phải tiến hành xem xét lại các

tài liệu, chứng cứ nói trên đồng thời nghe ý kiến trình bày của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ những tình tiết trong vụ án.

#### *2.1.3.4. Giá trị pháp lý của các bản án sơ thẩm*

- Bản án quyết định sơ thẩm phải đảm bảo tính hợp pháp và có căn cứ pháp lý. Thứ nhất, phải được dựa trên các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa xét xử. Nghị quyết số 08-NQ/TW(2002) và Nghị quyết số 49-NQ/TW(2005) đã xác định mục tiêu của cải cách tư pháp là đảm bảo lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. Do vậy, bản án được tuyên phải theo thực tế tranh tụng tại phiên tòa chứ không phải theo đường lối xét xử đã cho trước. Thực tế cho thấy, tình trạng xét xử căn cứ vào đường lối đã cho trước đã làm mất đi tính chất độc lập, chủ động của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Trong quá trình xét xử sơ thẩm còn có những hiện tượng tòa án cấp trên hoặc Chánh án đã cho đường lối xét xử nên trong suốt phiên tòa Thẩm phán (Chủ tọa) đều lái các vấn đề theo hướng đã được duyệt. Khi có các yếu tố mới nảy sinh tại phiên tòa Thẩm phán lại xin ý kiến chỉ đạo về đường lối xét xử. Còn có những hiện tượng là thời gian nghị án Hội đồng xét xử không bàn bạc, quyết định mà là Thẩm phán tranh thủ xin đường lối xét xử của lãnh đạo nên “án xử một đằng, tuyên một nẻo”. Thứ hai, việc áp dụng các quy định pháp luật về giải quyết vụ án và các quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết vụ án phải theo đúng hiệu lực pháp lý của văn bản áp dụng. Nếu phát hiện các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn mâu thuẫn với văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn thì phải áp dụng các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Trong thực tế, vẫn có những trường hợp các văn bản như nghị định, thông tư, nghị quyết,... không phù hợp với văn bản luật nhưng vẫn được tòa án áp dụng.

- Thực hiện công bố các bản án kinh tế sơ thẩm điển hình đã có hiệu lực pháp luật cũng là vấn đề cần được thực hiện. Việc công bố bản án giúp cho các chủ thể kinh doanh nắm bắt được thông tin, có những bài học kinh nghiệm để tự bảo vệ mình trên thương trường. Tòa án nhân danh công lý nên các phán quyết trong quá trình xét xử cần được công khai. Công khai hóa các phán quyết của tòa án là công việc thường xuyên của các quốc gia trên thế giới như: ở Hoa Kỳ các phán quyết của tòa án liên bang được xuất bản thành nhiều báo cáo khác nhau, trong đó có báo cáo chính thức và báo cáo không chính thức bao gồm các phán quyết của Tòa án tối cao, của Tòa phúc thẩm và Tòa án cấp quận. “Các báo cáo không chính thức thường công bố các phán quyết của tòa án kèm theo lời bình luận”.

Một trong những nhiệm vụ của cải cách tư pháp là từng bước thực hiện “công khai hóa các bản án, trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục”.

## **2.2. Thực tiễn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà**

### **2.2.1. Thực tiễn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà**

So với những năm đầu của thế kỉ 21 số lượng án tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà tăng dần do sự tác động của một số yếu tố sau:

- Việc tách địa giới hành chính Quảng Nam – Đà Nẵng thành 2 địa phận hành chính riêng biệt ảnh hưởng phần nào đến nền kinh tế của cả 2 tỉnh, thành phố, phải cần thời gian để ổn định lại cơ chế kinh tế của địa phương. Hơn nữa ở thời gian này tình hình kinh tế chưa phát triển nhiều, số lượng doanh nghiệp còn ít, hoạt động sản xuất còn ở mức đơn giản, các mẫu thuẫn xảy ra còn đơn giản và hầu hết các doanh nghiệp tự hòa giải với nhau. Mặc khác, khi có tranh chấp xảy ra các bên vẫn chưa quen với việc giải quyết bằng Tòa án, phương thức giải quyết này còn khá mới mẻ với các doanh nghiệp. Nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường nên các bên tranh chấp chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị kinh tế tập thể.

Từ khi BLTTDS 2005 có hiệu lực và sau đó là BLTTDS 2015, thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại của Tòa án được mở rộng, do vậy số lượng án tranh chấp kinh doanh, thương mại tăng dần qua từng năm. Cuộc cải cách thủ tục hành chính đã tạo ra sự thông thoáng về các quy định cũng như thủ tục pháp lý hoạt động thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng phát triển kinh doanh và các doanh nghiệp mới ra đời, các quan hệ kinh tế ngày càng mở rộng và phức tạp. Các tranh chấp kinh doanh, thương mại ngày càng nhiều, một khi các bên không thể tự mình hòa giải được phải đưa ra Tòa án giải quyết, dần dần giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng Tòa án trở nên quen thuộc.

### **2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc khi áp dụng những quy định pháp luật hiện hành vào thực tiễn xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà.**

Nhìn chung, những quy định của pháp luật hiện hành về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tòa án trong LTM 2005, BLTTDS 2015, BLDS 2015 đã dần hoàn thiện và đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, vẫn còn một vài quy định thiếu cụ thể, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng:

#### **2.2.2.1. Thẩm quyền của Tòa án đối với các tranh chấp kinh doanh, thương mại**

Thứ nhất có sự mâu thuẫn, không thống nhất giữa quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung. Khoản 1 điều 30 BLTTDS quy định các bên trong quan hệ tranh chấp “phải có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”. Trong khi đó quy định của điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết 01 mở rộng hơn so với quy định của BLTTDS, theo đó: “Tòa kinh tế có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết các tranh chấp và các yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 30 và Điều 31 của BLTTDS; các tranh chấp về kinh doanh,

thương mại mà một hoặc các bên không có đăng ký kinh doanh, nhưng đều có mục đích lợi nhuận”.

Thứ hai là việc xác định mục đích lợi nhuận. Tiêu chí lợi nhuận chưa thực sự rõ ràng về mặt lý luận và thực tiễn. Nếu phân biệt quan hệ về kinh doanh và dân sự dựa trên yếu tố lợi nhuận mà không đưa ra tiêu chí cụ thể, khác biệt thì có sự bất ổn về cách phân loại các tranh chấp. Chẳng hạn các trang thiết bị có thể vừa dùng cho mục đích kinh doanh, vừa dùng cho sinh hoạt. Điều này sẽ dẫn đến việc cùng một quan hệ nhưng bao hàm cả hai mục tiêu là tiêu dùng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Vậy khi xảy ra tranh chấp, quan hệ này sẽ thuộc tranh chấp dân sự hay kinh doanh.

#### *2.2.2.2. Thời gian tiếp nhận và thụ lý đơn khởi kiện.*

Theo quy định về thời gian tiếp nhận, xem xét và thụ lý đơn khởi kiện. Không giống như các vụ án tranh chấp dân sự, lao động hay hôn nhân gia đình, các vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại thường lên quan đến lợi ích kinh tế của các bên nên khi có tranh chấp xảy ra các bên đều mong muốn được giải quyết nhanh chóng.

#### *2.2.2.3. Sự phối hợp của các cơ quan khác*

Trong quá trình giải quyết vụ án có những tài liệu, chứng cứ mà các bên tranh chấp không thể tự thu thập phải yêu cầu Tòa án giúp đỡ thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án hay một trong các bên có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với bên còn lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình được thực hiện. Tuy nhiên khi có yêu cầu công cấp thông tin hay phối hợp điều tra thì các cơ quan, tổ chức ngoài ngành còn chần chừ, thiếu hợp tác làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

#### *2.2.2.4. Một số hạn chế, vướng mắc khác*

Trong qui trình xét xử còn gặp nhiều vướng mắc như:

- Thứ nhất, một số đương sự tỏ ra thiếu hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án.

Trong nhiều trường hợp đương sự cố ý vắng mặt ngay cả khi đã có giấy triệu tập của Tòa án, buộc phiên tòa xét xử phải bị hoãn lại. Việc hoãn phiên tòa xét xử không những làm ảnh hưởng tới quá trình xét xử sơ thẩm của Tòa án mà còn gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự và các bên liên quan trong vụ án.

- Thứ hai, quy định về tranh luận trực tiếp tại phiên tòa sơ thẩm ngày càng được nâng cao, để phân tranh luận có chất lượng, hiệu quả thì những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng nhằm phát huy tối đa các quyền năng tố tụng của mình, đương sự và người đại diện của đương sự là những người giữ thế chủ động tại phiên tòa còn hội đồng xét xử giữ vai trò trung tâm thực hiện quyền điều khiển phiên tòa. Trong thực tế cũng có những vụ án tranh chấp không cần tranh luận như bên bị kiện không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, không thực hiện các cam kết theo thoả thuận, khi đã có các chứng cứ đã rõ ràng (có các giao dịch, tài liệu hợp pháp chứng

minh) và quyền yêu cầu của nguyên đơn không có tranh chấp, phản bác của bị đơn hay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì hội đồng xét xử sẽ quyết định nghị án.

## **Tiểu kết chương 2**

Việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại theo thủ tục tố tụng như thực tiễn tại Tòa án Việt Nam nói chung và Tòa án nhân dân trên địa bàn quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng nói riêng tuy khá chặt chẽ nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Tuy áp dụng theo quy định của pháp luật vẫn có thể giải quyết được các tranh chấp, tuy nhiên kết quả giải quyết vụ án vẫn không mang lại hiệu quả cao khi thi hành bản án đó. Đồng thời, bất cập của pháp luật hiện nay làm cho người áp dụng pháp luật còn lúng túng, hiểu sai lệch trong khi giải quyết các tình huống. Trên cơ sở nghiên cứu về thực trạng pháp luật tại Tòa án Việt Nam và thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn Tp Đà Nẵng nhằm đưa ra những vướng mắc trong cách giải quyết các vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại. Từ đó, tác giả cũng đã nhận định và đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong khi giải quyết các vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại tại địa phương cũng như trên cả nước.

## **Chương 3**

### **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XÉT XỬ SƠ THẨM TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN**

#### **3.1. Định hướng hoàn thiện những quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án.**

Để thực hiện một cách có hiệu quả mục đích đã đề ra, việc hoàn thiện pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- Một là, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh nước ta đang thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền của Việt Nam.

- Hai là, bảo đảm yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, bắt kịp nhịp phát triển của khu vực và thế giới.

- Ba là, đảm bảo sự đồng bộ giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng nhằm đảm bảo hiệu lực của pháp luật tố tụng trong giải quyết tranh chấp.

Hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại phải gắn liền với việc đổi mới và hoàn thiện pháp luật về kinh doanh, thương mại.

Hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại phải đặt trong mối quan hệ với việc hoàn thiện các chính sách kinh tế.

+ Hoàn thiện về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại phải phù hợp với các điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển nền kinh tế- xã hội.



+ Hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại phải đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế và công cuộc cải cách thủ tục hành chính.

### **3.2. Giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án**

#### **3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án**

Thứ nhất, xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án vừa đảm bảo thủ tục luật định vừa phù hợp với tính chất của loại tranh chấp này như sau: hình thức tổ chức phiên tòa sơ thẩm theo hướng hội nghị bàn tròn và tiến hành tranh luận giữa các bên tham gia để hạn chế bớt tâm lý nặng nề, đảm bảo bí mật trong kinh doanh. Đảm bảo xét xử các vụ án kinh tế nhanh chóng, giản tiện và tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên tranh chấp.

Thứ hai, bổ sung đội ngũ Thẩm phán tinh thông về nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt để thực hiện tốt thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế, đồng thời đáp ứng được mục tiêu giản tiện, hiệu quả, gần dân và tiết kiệm.

Thứ ba, nâng cao vai trò của Hội thẩm nhân dân trong việc xét xử sơ thẩm vụ án kinh tế. Hội thẩm nhân dân khi xét xử các vụ án kinh tế phải là thương gia, doanh nhân, thành viên của Hội đồng quản trị hoặc là người điều hành một pháp nhân nhưng không cư trú và không có cơ sở kinh doanh tại địa phận thuộc thẩm quyền của Tòa án nhằm mục đích cung cấp những kinh nghiệm, những tập quán về quan hệ kinh doanh, thương mại.

Thứ tư, đảm bảo sự thống nhất về các quy định giữa các văn bản pháp luật về dân sự và pháp luật kinh doanh, thương mại, có sự hỗ trợ cho nhau trong đó, pháp luật dân sự phải là nền tảng.

#### **3.2.2. Giải pháp cụ thể về ban hành mới và sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại.**

##### **3.2.2.1. Bổ sung thủ tục rút gọn**

Từ những vấn đề đã đề cập ở chương 1 và chương 2, đối với các tranh chấp về kinh doanh, thương mại việc bổ sung thủ tục rút gọn là cần thiết. Trong trường hợp liên quan đến việc chậm, không thanh toán đầy đủ các khoản nợ hay không thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác thì Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn. Thủ tục rút gọn được cơ cấu thành các điều luật có những nội dung chủ yếu như sau:

Yêu cầu theo những căn cứ như: giao dịch đã được công chứng, giao dịch hợp pháp dưới hình thức văn bản viết không có công chứng, chứng thực.

Vụ án đơn giản, rõ ràng như: tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, các vụ kiện với giá ngạch thấp có căn cứ xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên bằng văn bản như vay, mượn hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng mà có các căn cứ cụ thể và bên có nghĩa vụ không phản đối.

Tuy nhiên, khi áp dụng thủ tục này rất ít các trường hợp nguyên đơn và bị đơn cùng yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, chỉ cần một bên yêu cầu còn bên kia

được Tòa án thông báo trong thời hạn nhất định nhưng không phản đối bằng văn bản. Nếu bên bị kiện phản đối (có tranh chấp) thì chuyển từ thủ tục rút gọn sang thủ tục thông thường.

Thủ tục rút gọn do một Thẩm phán chịu trách nhiệm giải quyết và ra quyết định nên cho phép giảm bớt một số trình tự tố tụng không cần thiết. Về nguyên tắc, thủ tục rút gọn vẫn tuân theo trình tự tố tụng sơ thẩm (thông báo thụ lý, cung cấp chứng cứ, các quyền tố tụng khác,...) nhưng thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu rút ngắn là hai mươi ngày kể từ ngày thụ lý đơn, hết thời hạn này Tòa án phải ra một trong các quyết định (quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ hay quyết định mở phiên họp). Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày có quyết định mở phiên họp, Tòa án phải tiến hành mở phiên họp. Thành phần của phiên họp gồm: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự. Trong thủ tục rút gọn, Tòa án không tiến hành phiên hoà giải độc lập mà hoà giải ngay tại phiên họp xét đơn yêu cầu. Khi các đương sự nêu thoả thuận được với nhau về việc giải quyết thì ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

### *3.2.2.2. Mở rộng quyền tự do lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các đương sự*

Nếu các bên khi lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì các bên có quyền chọn bất cứ trọng tài nào mà mình tin tưởng để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Trong quy định tại điều 40 BLTTDS 2015 thì nguyên đơn và người yêu cầu có quyền được lựa chọn Tòa án trong các trường: “Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp sau đây: Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết; Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết; Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam hoặc vụ án về tranh chấp việc cấp dưỡng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết; Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra việc gây thiệt hại giải quyết; Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác đối với người lao động thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết; Nếu tranh chấp phát sinh từ việc sử dụng lao động của người cai thầu hoặc người có vai trò trung gian thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi người sử dụng lao động là chủ chính cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi người cai thầu, người có vai trò trung gian cư trú, làm việc giải quyết; Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết; Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có

trụ sở giải quyết; Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết”. Các trường hợp trong quy định trên đã tiến bộ hơn nhiều so với quy định trong BLTTDS 2004, tuy nhiên để thể hiện được sự bình đẳng của các bên trong việc giải quyết tranh chấp thì nên có thêm quy định về quyền tự do lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại. Cụ thể, khi xảy ra các tranh chấp kinh doanh, thương mại các bên có thể thỏa thuận với nhau về việc lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp sao cho việc tiến hành tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp được thuận lợi cho cả hai bên. Có những trường hợp nguyên đơn và bị đơn của vụ tranh chấp ở hai nơi khá xa nhau, gây khó khăn trong việc di chuyển tham gia vào các giai đoạn tiến hành giải quyết vụ án, dẫn đến việc các bên hay trốn tránh trách nhiệm vì khi tham gia vào giai đoạn giải quyết của Tòa án khá mất thời gian và chi phí vận chuyển. Pháp luật tố tụng đã có những quy định về thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo vụ việc, theo cấp thì có nghĩa các Tòa án dù ở địa phương nào nếu cùng cấp xét xử thì đều có thể tiến hành giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại. Như vậy các bên có thể hoàn toàn thỏa thuận với nhau về việc lựa chọn Tòa án giải quyết các tranh chấp sao cho thuận tiện nhất cho cả hai bên.

*3.2.2.3. Thừa nhận quyền giải thích pháp luật của Tòa án và tạo hệ thống thông tin riêng cho ngành Tòa án Việt Nam.*

Thực trạng khá phổ biến hiện nay là các quy định của pháp luật còn được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau khiến cho việc giải quyết các tranh chấp tại các Tòa án khác nhau tuy cùng bản chất nhưng sẽ cho kết quả khác nhau. Điều này nhiều khi là do sau khi Quốc Hội ban hành luật thì phải mất một thời gian khá lâu sau mới có các Nghị quyết, Thông tư ban hành hướng dẫn. Khi các tranh chấp xảy ra mà cần phải áp dụng các điều luật chưa rõ ràng thì buộc Tòa án phải đợi có Nghị quyết, Thông tư hướng dẫn mới tiếp tục giải quyết tranh chấp như vậy khá mất thời gian và có thể dẫn đến tình trạng tồn đọng án tại Tòa án. Khi Quốc Hội ban hành một luật bất kỳ dù đã nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi ban hành nhưng vẫn không thể tránh khỏi việc các điều luật được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, như vậy buộc phải ban hành thêm các Nghị quyết, Thông tư để hướng dẫn thực hiện pháp luật, tốn rất nhiều thời gian. Để khắc phục được vấn đề này Quốc Hội nên ban hành quy định thừa nhận quyền giải thích pháp luật cho Tòa án như vậy khi có luật mới được ban hành thì chính Tòa án sẽ tự giải thích những điều luật còn chưa rõ ràng, đương nhiên sự giải thích của Tòa án cũng phải tuân theo các quy định của pháp luật. Và tránh trường hợp mỗi Tòa án khác nhau lại có cách giải thích pháp luật khác nhau thì nên tạo ra một hệ thống thông tin chung cho các Tòa án tại Việt Nam như một cổng thông tin điện tử. Khi muốn giải thích một điều luật nào đó thì Chánh án của Tòa án tối cao và Chánh án Tòa án cấp tỉnh, thành phố sẽ họp trực tuyến với nhau, thống nhất đưa ra sự giải thích hợp lý nhất cho điều luật đó, kết quả giải thích sẽ được ban hành thành văn bản và đăng công khai trên trang thông tin chung của Tòa án. Như vậy khi giải quyết các tranh chấp thì các Thẩm phán sẽ tự lên trang thông tin và áp

dụng theo sự giải thích đã được ban hành. Việc làm này sẽ giảm được khối lượng công việc cho Quốc Hội và giảm thời gian giải quyết các vụ án, đồng thời tăng tính thống nhất giữa các Tòa án.

*3.2.2.4. Ban hành các chế tài về việc phối hợp trong việc giải quyết tranh chấp đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan*

Như những bất cập đã trình bày ở chương II, khi Tòa án cần sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết tranh chấp thì có nhiều trường hợp các cơ quan, tổ chức còn thiếu hợp tác hoặc các quy định về thủ tục hành chính còn quá phức tạp. nên nghiên cứu ban hành các quy định pháp luật nhằm tăng tính trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đang xảy ra. Đồng thời tạo sự thông thoáng, linh hoạt trong các thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian xác minh, thu thập chứng cứ. Ngày nay công nghệ thông tin ngày càng phát triển và có nhiều tiện ích có thể áp dụng trong đời sống thì chúng ta nên tận dụng điều này. Các yêu cầu hỗ trợ, phối hợp điều tra, cung cấp chứng cứ giữa Tòa án và các cơ quan, tổ chức nên được thực hiện thông qua các tranh kênh thông tin điện tử.

**3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án**

*3.3.1. Nâng cao chất lượng hòa giải tại Tòa án nhân dân cấp huyện*

Bản chất của quan hệ kinh tế được thiết lập trên cơ sở tự nguyện và quyền tự định đoạt của đương sự, do đó việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ này được thực hiện theo những biện pháp nhất định, trong đó hòa giải là một biện pháp quan trọng và là nguyên tắc bắt buộc trong tố tụng dân sự. Nguyên tắc hòa giải trong tố tụng được quy định tại điều 10 BLTTDS 2015, theo đó: “Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của bộ luật này”.

Hòa giải tại Tòa án nhân dân cấp huyện có ý nghĩa hết sức quan trọng, được thực hiện nhằm mục đích gắn kết lại với nhau, giữ gìn tình đoàn kết trong việc phát triển kinh tế, nâng cao kết quả giải quyết trong kinh doanh, thương mại. Đồng thời, nếu hòa giải tốt thì sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho cả Nhà nước lẫn công dân ngay tại thời điểm ban đầu. Ngoài ra, việc hòa giải quan trọng vì đây là giai đoạn được thực hiện ở các giai đoạn sơ thẩm, từ khi chuẩn bị xét xử đến khi bắt đầu xét xử tại phiên tòa, trừ những vụ án không được hòa giải.

Việc hòa giải hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm của các Thẩm phán nhưng không đầu tư, hướng dẫn, đào tạo có bài bản, đặc biệt tại các Tòa án cấp huyện. Trên thực tế, mục đích các đương sự muốn hướng đến đó là lợi nhuận (dù ít hay nhiều) đó là điều kiện tiên quyết để đi tới xu hướng nhân nhượng hợp tác trong kinh doanh của các bên đương sự, tuy nhiên các Thẩm phán lại luôn đề cao việc làm rõ việc đúng sai trong tranh chấp.

Như vậy, cần đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ hòa giải tại các Tòa án cấp huyện, đây là nền tảng để các vụ án tranh chấp được giải quyết triệt để,

nhanh chóng mà không bị kháng cáo, kháng nghị. Bởi vì việc hòa giải không thành, các chủ thể tham gia kinh tế sẽ mất sự đoàn kết, gắn bó, càng căng thẳng hơn lúc ban đầu, từ đó muốn các bên cùng nhau thương lại, thỏa thuận ở các giai đoạn tố tụng tiếp theo sẽ không hiệu quả và không dễ dàng so với ban đầu.

### ***3.3.2. Nâng cao trình độ của Thẩm phán và cán bộ Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại***

Việc đào tạo nâng cao trình độ giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại cho đội ngũ thẩm phán phải mang tính chuyên nghiệp, được trang bị một cách hệ thống kiến thức pháp luật và kỹ năng xét xử. Với tình trạng các án tranh chấp kinh doanh, thương mại xảy ra ngày càng nhiều khiến cho tại nhiều Tòa án đôi khi trong một tháng một thẩm phán phải giải quyết từ 8 đến 12 vụ tranh chấp, như vậy rất dễ dẫn đến tình trạng giải quyết tranh chấp chưa được triệt để và tồn đọng án tại các Tòa án. Cùng với các biện pháp ở trên thì cần phải nâng cao trình độ xét xử của đội ngũ thẩm phán cũng như trình độ chuyên môn cho các cán bộ Tòa án. Đối với các vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại thì đòi hỏi thẩm phán giải quyết những tranh chấp này cũng có kiến thức về kinh doanh, thương mại, đảm bảo cho quá trình giải quyết tranh chấp được chính xác và thuận lợi. Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm xét xử giữa các thẩm phán tại các Tòa án khác nhau nhằm hoàn thiện khả năng xét xử cho thẩm phán.

### ***3.3.3. Nâng cao công tác tuyên truyền, công tác giáo dục pháp luật tại địa phương***

Tòa án nhân dân cấp huyện cần phối hợp với các xã (phường) tại địa phương kiện toàn đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật. Cần nâng cao cán bộ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cả về chất lượng lẫn số lượng. Tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật, kỹ năng truyền đạt, tuyên truyền phải theo từng nhóm đối tượng sao cho phù hợp với thực tế cuộc sống. Ngoài ra, việc tuyên truyền cần được nhân rộng không chỉ trực tiếp mà còn qua đài truyền hình, đài truyền thanh, bảng biểu,... nhưng việc này cần có sự phối hợp giữa các ban ngành thì mới mang lại hiệu quả. Ngoài ra, cán bộ ngành tòa án sắp xếp thời gian phù hợp trực tiếp tuyên truyền đến người dân qua các buổi tập huấn do xã (phường) tổ chức.

Tích cực, chủ động tuyên truyền tại địa phương nơi có nền kinh tế đang phát triển, nơi có khả năng phát sinh các tranh chấp khi tham gia trong hoạt động kinh tế thương mại. Ở các thôn cũng nên nhóm thành từng nhóm đối tượng để tuyên truyền cho phù hợp. Ví dụ, với nội dung liên quan đến kinh doanh thương mại thì cần sắp xếp những đối tượng liên quan trong một buổi tuyên truyền để tiếp thu nội dung văn bản pháp luật hiệu quả hơn.

Vấn đề tuyên truyền tại địa phương luôn đóng vai trò rất quan trọng, góp phần rất lớn trong việc giải quyết các vụ án nhanh chóng. Một khi công dân nói chung cũng như các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế đã hiểu và nắm rõ pháp luật thì khi có tranh chấp họ sẽ dễ dàng lựa chọn đúng phương thức, thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng nếu lựa chọn con đường Tòa án.

Việc thiếu hiểu biết về pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thương mại là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tranh chấp. Tuy việc gia tăng sản xuất trong kinh doanh không liên quan đến việc hiểu biết về pháp luật nhưng trong hoạt động kinh doanh, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng sẽ giao kết các hợp đồng kinh doanh nhằm trao đổi dịch vụ, hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất. Chính vì vậy, khi am hiểu pháp luật sẽ tăng khả năng nhận thức và khả năng vận dụng pháp luật, tạo hành lang pháp lý an toàn cho doanh nghiệp, tổ chức ngày càng phát triển bền vững hơn.

### **Tiểu kết Chương 3**

Hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm gắn liền với mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay là đảm bảo cho quá trình xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại nhanh chóng, hiệu quả, đơn giản và giải quyết được các mâu thuẫn giữa các chủ thể để tiếp tục hợp tác trên thương trường.

Hoàn thiện pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại bao gồm nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó có hoàn thiện thẩm quyền xét xử của Tòa án. Đặc biệt là hoàn thiện pháp luật tổ chức Tòa án theo nguyên tắc xét xử, xác định vai trò thực hiện các quyền năng tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và các đương sự trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh đất nước đang phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội; hoạt động kinh doanh, thương mại của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang đem lại những tác động cũng đáng kể cho sự phát triển chung của đất nước. Sự phát triển của các thành phần kinh tế, sự gia tăng số lượng các doanh nghiệp đã và đang tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn nhưng cũng không kém phần phức tạp và cạnh tranh gay gắt. Các tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng từ đó mà phát sinh với số lượng ngày càng tăng qua các năm cùng với tính chất phức tạp của nó; đòi hỏi phải có sự can thiệp và giải quyết của cơ quan Tòa án, để giúp các doanh nghiệp tránh được những hậu quả tiêu cực do mâu thuẫn và xung đột lợi ích gây ra.

Qua nghiên cứu các quan điểm khác nhau, luận văn đã làm sáng tỏ quá trình tố tụng dân sự, khái niệm vụ án kinh doanh thương mại; khái niệm, bản chất, đặc điểm của giai đoạn xét xử sơ thẩm tranh chấp kinh doanh thương mại. Kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ bản chất của xét xử sơ thẩm là giai đoạn tố tụng độc lập có vai trò quyết định. Tại giai đoạn này Tòa án tiến hành xem xét một cách khách quan, minh bạch, trực tiếp các chứng cứ và hoạt động chứng minh, với những nguyên tắc đặc trưng của tố tụng dân sự, kinh tế được áp dụng nhằm giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.

Tuy vẫn còn tồn tại trong các quy định về pháp luật kinh doanh; nhưng nhìn chung, với những nỗ lực của Đảng và nhà nước, Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền, tranh chấp xảy ra trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại đã được hạn chế đáng kể; tạo được niềm tin vào môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh cho mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế.

Với mục tiêu và nhiệm vụ đề ra, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, đảm nhận vai trò giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại phát sinh trong nền kinh tế trên địa bàn. Qua những bước phát triển và trưởng thành, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà ngày càng khẳng định được vị trí và vai trò là một thiết chế tài phán, đại diện cho nhà nước bảo vệ lợi ích cho các đơn vị kinh doanh. Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đang cố gắng đem lại sự công bằng trong môi trường kinh doanh cho các chủ thể bằng những chủ trương và hành động thiết thực của mình.

Với những gì đã đạt được từ khi hoạt động, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã làm tốt công tác, nhiệm vụ được giao ngay từ những việc làm nhỏ nhất xứng đáng, là nơi gửi gắm niềm tin của Đảng, Nhà nước, của các đơn vị kinh doanh vào sự công bằng trong pháp luật kinh doanh trên địa bàn thành phố.





## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLDS 2015
2. BLTTDS 2015
3. Hiến pháp 2013
4. LDN 2020
5. LTM 2005
6. Nghị quyết số 03/2012/nq-hdtp
7. PGS.TS Đoàn Đức Lương (2011). *Xét xử sơ thẩm vụ án kinh tế. Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội
8. Võ Ngọc Thông (2017). *Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh, thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Học viện Khoa học xã hội Việt Nam
9. Trần Thị Như Mơ (2016). *Giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại theo pháp luật tố tụng dân sự từ thực tiễn tại tỉnh Quảng Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Học viện Khoa học xã hội Việt Nam
10. Lê Thanh Khánh (2018). *Thẩm quyền của tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Huế
11. Nguyễn Thị Hương (2019), Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của Tòa án trong điều kiện mới hòa mới hội nhập quốc tế, <http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/tham-quyen-giai-quet-tranh-chap-thuong-mai-cua-toa-an-trong-dieu-kien-moi-hoi-nhap-quoc-te-64547.htm>
12. Nguyễn Thị Hồng Thắm (2021), Phân tích hệ thống Tòa án tại Việt Nam và mối quan hệ giữa nhân dân với Tòa án, <https://luatminhkhue.vn/he-thong-toa-an-tai-viet-nam.aspx>
13. Công ty Luật TNHH ANT (2020), Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án, <https://www.antlawyers.com/blog/2016/09/15/giai-quet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-tai-toa/>
14. Công ty luật Thái An, Trình tự sơ thẩm vụ án dân sự, <https://luatthaian.vn/trinh-tu-xet-xu-so-tham-vu-an-dan-su/>
15. Công ty Luật TNHH ICC Việt Nam (24/4/2017), Phân biệt tranh chấp dân sự và tranh chấp kinh doanh thương mại, <https://icclaw.vn/phan-biet-tranh-chap-dan-su-va-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai/tin-82.html>
16. Nguyễn Văn Thoáng (18/6/2017), Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, <https://hocluat.vn/cac-nguyen-tac-giai-quet-tranh-chap-bang-toa-an/>
17. Lê Minh Trường (2011), Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án, <https://luatminhkhue.vn/giai-quet-tranh-chap-kinh-doanh--thuong-mai-tai-toa-an.aspx>
18. Bùi Trang (2019), Gia tăng tranh chấp thương mại, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/gia-tang-tranh-chap-thuong-mai-255695.html>